

TỪ ĐỊNH DANH ĐẾN TRI NHẬN VĂN HÓA: NGHIÊN CỨU HỆ THỐNG TÊN GỌI MÓN ĂN TRUYỀN THỐNG HÀ NỘI

FROM NAMING TO CULTURAL COGNITION: A COGNITIVE LINGUISTIC STUDY OF TRADITIONAL HANOI FOOD NAMES

Nguyễn Thu Trà^{1,*}, Nguyễn Thị Thu Hảo²

DOI: <https://doi.org/10.57001/huih5804.2026.198>

TÓM TẮT

Tên gọi món ăn không chỉ thực hiện chức năng định danh mà còn phản ánh cách cộng đồng nhận thức và lưu giữ những kinh nghiệm văn hóa trong ngôn ngữ. Trên cơ sở khảo sát 300 tên gọi món ăn truyền thống Hà Nội, bài viết vận dụng lý thuyết định danh và ngôn ngữ học tri nhận để phân tích các cơ sở định danh và làm rõ những phương diện tri nhận văn hóa được phản ánh qua hệ thống tên gọi. Kết quả nghiên cứu cho thấy tên gọi món ăn truyền thống Hà Nội được hình thành chủ yếu dựa trên nguyên liệu, phương thức chế biến và địa danh, phản ánh tư duy kinh nghiệm của cư dân nông nghiệp. Từ đó, bài viết xác định ba phương diện tri nhận văn hóa nổi bật, gồm: tri nhận về lương thực gắn với nền văn minh lúa nước; tri nhận về không gian văn hóa thông qua địa danh và làng nghề truyền thống; và tri nhận về các giá trị lịch sử, nghi lễ, bản sắc địa phương được biểu hiện qua quá trình biểu tượng hóa tên gọi. Nghiên cứu góp phần làm rõ mối quan hệ giữa hoạt động định danh và tri nhận văn hóa, đồng thời bổ sung cơ sở thực nghiệm cho việc vận dụng ngôn ngữ học tri nhận vào nghiên cứu hệ thống tên gọi trong tiếng Việt.

Từ khóa: Định danh; tri nhận văn hóa; tên gọi món ăn; văn hóa ẩm thực; Hà Nội.

ABSTRACT

Food names not only serve a naming function but also reflect how a speech community conceptualizes and preserves cultural knowledge through language. Based on a dataset of 300 traditional Hanoi food names, this study applies naming theory and cognitive linguistics to examine naming patterns and explore the dimensions of cultural cognition encoded in the naming system. The findings reveal that traditional Hanoi food names are primarily motivated by ingredients, cooking methods, and place names, reflecting the experiential thinking of an agrarian community. The analysis further identifies three major dimensions of cultural cognition: the conceptualization of staple foods rooted in wet-rice civilization; the conceptualization of cultural space embodied in place names and traditional craft villages; and the conceptualization of historical values, rituals, and local identity manifested through the symbolic meanings of food names. The study contributes to a better understanding of the relationship between naming practices and cultural cognition, while providing further empirical evidence for the application of cognitive linguistics to the study of naming systems in Vietnamese.

Keywords: Naming; cultural cognition; food names; culinary culture; Hanoi.

¹Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Đại học Công nghiệp Hà Nội

²Viện Ngôn ngữ học

*Email: NguyenThuTra_knn@hauai.edu.vn

Ngày nhận bài: 02/7/2026

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 27/8/2026

Ngày chấp nhận đăng: 30/8/2026

1. MỞ ĐẦU

Ẩm thực là một trong những lĩnh vực phản ánh rõ nét mối quan hệ giữa ngôn ngữ, văn hóa và tư duy của cộng

đồng. Trong quá trình sáng tạo và sử dụng các món ăn, con người không chỉ tạo ra những sản phẩm đáp ứng nhu cầu vật chất mà còn hình thành một hệ thống từ ngữ định

danh để nhận diện, phân loại và lưu giữ những kinh nghiệm văn hóa gắn với chúng. Vì vậy, hệ thống tên gọi các món ăn không chỉ thực hiện chức năng định danh mà còn là kết quả của quá trình lựa chọn đặc trưng, phản ánh cách cộng đồng tri nhận thế giới và tổ chức kinh nghiệm văn hóa thông qua ngôn ngữ.

Là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của Việt Nam trong hơn một nghìn năm, Hà Nội sở hữu nền ẩm thực phong phú, kết tinh từ văn minh lúa nước vùng đồng bằng Bắc Bộ và quá trình giao lưu, tiếp biến với nhiều vùng văn hóa khác. Nhiều món ăn như phở, bún thang, chả cá Lã Vọng, cốm làng Vòng hay trà sen Tây Hồ không chỉ trở thành đặc sản địa phương mà còn được xem là biểu tượng của văn hóa Việt Nam. Song song với quá trình hình thành và phát triển của các món ăn là sự hình thành một hệ thống tên gọi giàu tính biểu trưng, phản ánh môi trường tự nhiên, phương thức sản xuất, đời sống xã hội, lịch sử và bản sắc văn hóa của người Hà Nội. Chính hệ thống tên gọi này là nơi lưu giữ và phản ánh những tri thức, kinh nghiệm cũng như cách cộng đồng người Hà Nội tri nhận thế giới thông qua hoạt động định danh.

Trong những năm gần đây, hoạt động định danh trong tiếng Việt, ngôn ngữ học tri nhận và hệ thống từ ngữ định danh ẩm thực đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Các công trình đã góp phần làm sáng tỏ cơ sở định danh, đặc điểm cấu tạo và giá trị văn hóa của hệ thống tên gọi ẩm thực ở những phạm vi và vùng miền khác nhau. Tuy nhiên, các nghiên cứu về hệ thống tên gọi các món ăn truyền thống Hà Nội từ góc nhìn kết hợp giữa định danh học và ngôn ngữ học tri nhận vẫn còn tương đối hạn chế. Đặc biệt, vẫn còn thiếu những nghiên cứu lý giải mối quan hệ giữa việc lựa chọn đặc trưng định danh với sự hình thành các mô hình tri nhận văn hóa được phản ánh qua hệ thống tên gọi.

Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu đó, bài viết khảo sát hệ thống 300 từ ngữ định danh (tên gọi) các món ăn truyền thống Hà Nội nhằm trả lời hai câu hỏi nghiên cứu: (1) Những đặc trưng nào được cộng đồng người Hà Nội lựa chọn làm cơ sở hình thành hệ thống tên gọi các món ăn truyền thống? (2) Việc lựa chọn các đặc trưng định danh ấy phản ánh những mô hình tri nhận văn hóa nào của cộng đồng người Hà Nội? Trên cơ sở đó, bài viết hướng tới làm rõ mối quan hệ giữa hoạt động định danh và tri nhận văn hóa, qua đó góp phần lý giải cơ chế mà cộng đồng người Hà Nội mã hóa, lưu giữ và truyền tải các giá trị văn hóa thông qua hệ thống tên gọi các món ăn truyền thống.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Các nghiên cứu liên quan có thể khái quát theo ba hướng: lý thuyết và thực tiễn định danh; ngôn ngữ học tri nhận - văn hóa; và nghiên cứu từ ngữ, văn hóa ẩm thực.

Trong ngôn ngữ học Nga, công trình Языковая номинация do B. A. Serebrennikov và A. A. Ufimtseva chủ biên [1] đặt nền tảng cho nghiên cứu định danh. Serebrennikov [1, tr. 172] nhấn mạnh vấn đề lựa chọn đặc trưng: đặc trưng được dùng để gọi tên không nhất thiết phản ánh toàn bộ bản chất hay thuộc tính căn bản nhất của đối tượng. Kolshansky [2, tr. 232] xem định danh trong quan hệ giữa hiện thực, nhận thức và biểu đạt ngôn ngữ. Đây là cơ sở để xem định danh như quá trình lựa chọn và biểu hiện đặc trưng của đối tượng.

Ở Việt Nam, nghiên cứu định danh đã được triển khai trên nhiều trường từ vựng và từ những hướng tiếp cận khác nhau. Nguyễn Đức Tồn tập trung làm rõ đặc trưng văn hóa dân tộc thể hiện qua cách lựa chọn đặc trưng để gọi tên [3-5]. Trên những đối tượng cụ thể, Nguyễn Thúy Khanh khảo sát trường tên gọi động vật trong tiếng Việt và trong sự đối chiếu với tiếng Nga [6-8], còn Chữ Phòm Mường [9] nghiên cứu đặc điểm định danh và hiện tượng chuyển nghĩa của trường từ vựng chỉ bộ phận cơ thể người trong tiếng Lào, có xem xét trong quan hệ với tiếng Việt. Những nghiên cứu này cho thấy việc lựa chọn đặc trưng và cơ sở định danh có thể được khảo sát trên từng trường từ vựng cụ thể, đồng thời cho thấy dấu ấn của cách tri nhận và kinh nghiệm văn hóa của cộng đồng trong quá trình gọi tên.

Đỗ Hữu Châu [10, tr. 97-99], Nguyễn Thiện Giáp [11] và Hồ Lê [12, tr. 116-117] làm rõ chức năng định danh của từ và tổ hợp từ, tạo cơ sở nhận diện đơn vị định danh trong tiếng Việt.

Ở hướng tri nhận - văn hóa, Nguyễn Đức Tồn [13, tr. 226] nhấn mạnh sự chi phối của môi trường, lịch sử và kinh nghiệm văn hóa đối với lựa chọn đặc trưng định danh; Lakoff và Johnson [14, tr. 497] khẳng định vai trò của kinh nghiệm trong sự hình thành và tổ chức hệ thống ý niệm.

Về ẩm thực, Phạm Thị Thâm [15] và Bành Hy Diễm [16] đối chiếu văn hóa ẩm thực Trung - Việt; Li Yinglan [17] khảo sát ẩn dụ trong từ ngữ ẩm thực Hán - Hàn; Wang Yu [18] và Ngô Minh Nguyệt [19, 20] nghiên cứu từ vựng, cơ sở định danh và đặc trưng văn hóa của hệ thống từ ngữ ẩm thực. Các nghiên cứu cho thấy tên gọi ẩm thực vừa có chức năng nhận diện vừa phản ánh kinh nghiệm văn hóa của cộng đồng.

Đối với ẩm thực Hà Nội, các công trình của Thạch Lam [21], Vũ Bằng [22, 23], Bằng Sơn [24], Vũ Thế Long [25] và Vũ Thị Tuyết Nhung [26] cung cấp tư liệu phong phú về món ăn, nguyên liệu, cách chế biến, không gian thưởng thức và bản sắc ẩm thực Thăng Long - Hà Nội.

Các công trình nghiên cứu trước đã cung cấp những cơ sở quan trọng cho việc tìm hiểu định danh, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tri nhận văn hóa cũng như các phương diện văn hóa của ẩm thực. Trên cơ sở kế thừa những kết quả đó, bài viết tập trung khảo sát hệ thống tên gọi món ăn truyền thống Hà Nội, làm rõ các đặc trưng được lựa chọn trong quá trình định danh và những phương diện tri nhận văn hóa được thể hiện qua hệ thống tên gọi.

3. CƠ SỞ LÝ LUẬN

3.1. Lý thuyết định danh

Định danh là việc sử dụng phương tiện ngôn ngữ để gọi tên sự vật, hiện tượng. Kolshansky xem định danh trong quan hệ giữa hiện thực, nhận thức và kí hiệu ngôn ngữ; tên gọi biểu hiện những đặc trưng nhất định của đối tượng được nhận thức và lựa chọn [2, tr. 232].

Serebrennikov [1, tr. 172] cho rằng đặc trưng được lựa chọn để gọi tên không nhất thiết phản ánh toàn bộ bản chất hay thuộc tính căn bản nhất của đối tượng. Vì vậy, nghiên cứu tên gọi món ăn cần xác định đặc trưng nào được lựa chọn và đặc trưng ấy thuộc cơ sở định danh nào.

Kolshansky [2, tr. 121] phân biệt định danh bằng từ/từ tổ, câu và văn bản; Serebrennikov [1, tr. 151-152] đề cập các cách tạo lập tên gọi như mô phỏng âm thanh, phái sinh, ghép từ, căn ke và vay mượn. Trong Việt ngữ học, Đỗ Hữu Châu [10, tr. 97-99] khẳng định chức năng định danh của từ; Nguyễn Thiện Giáp [11, tr. 70] đề cập cả ngữ định danh; Hồ Lê [12, tr. 116-117] cũng cho thấy chức năng định danh có thể được thực hiện bởi từ và tổ hợp từ. Điều này phù hợp với ngữ liệu món ăn vốn chủ yếu tồn tại dưới dạng từ và cụm từ.

Hồ Lê [12, tr. 116-117] cho rằng chức năng định danh của từ là biểu thị một mẫu hiện thực nhỏ nhất, chứ không phải sự ghép lại của nhiều mẫu hiện thực. Đối với cụm từ, tác giả xem đây là kiểu cấu trúc thực hiện chức năng định danh liên kết hiện thực, tức gọi tên một tập hợp gồm nhiều mẫu hiện thực liên kết với nhau. Quan điểm này góp phần xác định phạm vi đơn vị khảo sát của bài viết bao gồm cả từ và tổ hợp từ có chức năng gọi tên món ăn.

Từ những quan niệm trên và căn cứ vào đặc điểm của ngữ liệu, bài viết sử dụng thuật ngữ đặc trưng định danh để chỉ đặc điểm của món ăn được lựa chọn và biểu hiện

trực tiếp trong tên gọi; cơ sở định danh là phương diện mà đặc trưng đó thuộc về. Các khái niệm này được vận dụng để xác định những đặc trưng được lựa chọn trong tên gọi, từ đó nhận diện và phân loại các cơ sở định danh của hệ thống tên gọi món ăn Hà Nội. Chẳng hạn, trong xôi gấc, gấc là đặc trưng định danh thuộc cơ sở nguyên liệu; trong bánh rán, rán thuộc cơ sở phương thức chế biến; trong cốm Vòng, Vòng thuộc cơ sở địa danh. Những tên gọi đồng thời biểu hiện từ hai cơ sở trở lên được xếp vào nhóm định danh hỗn hợp.

Trên cơ sở đó, việc khảo sát tên gọi món ăn Hà Nội trong bài viết được tiến hành theo trình tự: xác định đặc trưng được biểu hiện trong tên gọi → xác định cơ sở định danh → phân loại và thống kê các cơ sở định danh → nhận diện những cơ sở có mức độ nổi trội trong hệ thống ngữ liệu. Kết quả này là căn cứ để tiếp tục xem xét mối quan hệ giữa sự lựa chọn đặc trưng trong định danh với những đặc điểm văn hóa của cộng đồng ở mục 3.2.

3.2. Định danh và đặc trưng văn hóa dân tộc

Từ góc độ ngôn ngữ học văn hóa, Nguyễn Đức Tôn [13, tr. 223-225] cho rằng đặc điểm loại hình và hệ thống của từng ngôn ngữ có thể ảnh hưởng đến cách thức định danh; đồng thời, khi gọi tên, các cộng đồng ngôn ngữ có thể lựa chọn và nhấn mạnh những đặc trưng khác nhau của cùng một đối tượng. Điều đó cho thấy sự lựa chọn đặc trưng trong định danh không chỉ liên quan đến thuộc tính khách quan của sự vật mà còn gắn với cách cộng đồng nhận thức và tổ chức kinh nghiệm bằng ngôn ngữ.

Nguyễn Đức Tôn [13, tr. 226] tiếp tục nhấn mạnh rằng khi nghiên cứu sự hình thành các định danh trong hệ thống ngôn ngữ cần chú ý đến những đặc điểm đặc trưng của cộng đồng dân tộc. Theo hướng tiếp cận này, việc lựa chọn đặc trưng làm cơ sở gọi tên có thể phản ánh môi trường tự nhiên, điều kiện lịch sử, kinh nghiệm xã hội và truyền thống văn hóa của cộng đồng. Vì vậy, nghiên cứu định danh không chỉ dừng ở việc xác định tên gọi được cấu tạo từ đặc trưng nào mà còn cần xem xét ý nghĩa văn hóa của sự lựa chọn ấy.

Đối với hệ thống tên gọi món ăn truyền thống Hà Nội, quan điểm trên cho phép xem việc lựa chọn nguyên liệu, phương thức chế biến, địa danh, đặc điểm cảm quan hay yếu tố văn hóa - lịch sử làm cơ sở định danh trong mối quan hệ với kinh nghiệm sống của cộng đồng. Tuy nhiên, ý nghĩa văn hóa chỉ được diễn giải trên cơ sở những đặc trưng thực sự xuất hiện và có mức độ nổi trội trong ngữ liệu khảo sát, tránh suy rộng vượt quá dữ liệu định danh.

Từ đó, bài viết sử dụng mối quan hệ giữa đặc trưng định danh - cơ sở định danh - kinh nghiệm văn hóa làm

một trục phân tích. Cách tiếp cận này tạo cơ sở để từ kết quả thống kê và phân loại tên gọi ở mục 5.1 tiếp tục thảo luận những phương diện tri nhận văn hóa có căn cứ từ ngữ liệu ở mục 5.2.

3.3. Tri nhận văn hóa trong ngôn ngữ

Theo quan điểm về cơ sở kinh nghiệm của ngôn ngữ học tri nhận, ý niệm không tồn tại tách rời kinh nghiệm của con người mà được hình thành trên nền tảng trải nghiệm thân thể và kinh nghiệm hằng ngày. Thông qua các hoạt động tri giác, vận động và sự tương tác với thế giới, con người từng bước hình thành và tổ chức hệ thống ý niệm; trong đó, kinh nghiệm thân thể được xem là một trong những nền tảng quan trọng của nhận thức [14, tr. 497]. Quan điểm này cung cấp cơ sở để nghiên cứu xem xét sự lựa chọn đặc trưng trong định danh món ăn trong mối quan hệ với kinh nghiệm sống và môi trường văn hóa của cộng đồng.

Trên cơ sở đó, bài viết vận dụng lý thuyết tri nhận để xem xét mối quan hệ giữa sự lựa chọn và mức độ nổi trội của các đặc trưng định danh với kinh nghiệm văn hóa của cộng đồng. Khi một số loại đặc trưng như nguyên liệu, phương thức chế biến hoặc địa danh xuất hiện với tần suất cao, kết quả đó có thể được đối chiếu với môi trường sinh thái, phương thức sinh kế, lịch sử và thực hành văn hóa của cộng đồng để nhận diện những phương diện kinh nghiệm được phản ánh trong hệ thống tên gọi.

Vận dụng vào ngữ liệu ẩm thực Hà Nội, nghiên cứu vì vậy tiến hành theo hai tầng: tầng thứ nhất mô tả và phân loại các đặc trưng/cơ sở định danh được mã hóa trực tiếp trong 300 tên gọi; tầng thứ hai lý giải những phương diện tri nhận văn hóa có căn cứ từ chính các kết quả định danh đó. Cách tiếp cận này giúp duy trì sự kết nối giữa dữ liệu ngôn ngữ và diễn giải văn hóa, đồng thời tránh mở rộng kết luận vượt quá khả năng chứng minh của ngữ liệu.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ DỮ LIỆU

4.1. Ngữ liệu nghiên cứu

Đối tượng khảo sát của bài viết là hệ thống từ ngữ định danh (tên gọi) các món ăn truyền thống Hà Nội, không phải bản thân các món ăn. Theo đó, đơn vị phân tích của nghiên cứu là các từ ngữ định danh được sử dụng để gọi tên món ăn, phản ánh cách cộng đồng người Hà Nội lựa chọn những đặc trưng nổi bật của đối tượng làm cơ sở định danh.

Ngữ liệu nghiên cứu gồm 300 từ ngữ định danh (tên gọi) các món ăn truyền thống Hà Nội, được lựa chọn từ hệ thống mục từ của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ "Biên soạn Từ điển Bách khoa Ẩm thực Hà Nội" (2025 -

2026). Đây là nguồn ngữ liệu được xây dựng trên cơ sở khảo sát, đối chiếu và chuẩn hóa từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau về ẩm thực Hà Nội, bảo đảm tính hệ thống, tính đại diện và độ tin cậy cho việc nghiên cứu.

Trên cơ sở nguồn ngữ liệu này, bài viết tiến hành xác định các đặc trưng và cơ sở định danh của hệ thống tên gọi, từ đó phân tích mối quan hệ giữa sự lựa chọn đặc trưng định danh với những phương diện kinh nghiệm văn hóa được phản ánh qua hệ thống từ ngữ định danh các món ăn truyền thống Hà Nội. Bên cạnh ngữ liệu chính, nghiên cứu còn sử dụng một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao và tác phẩm văn học liên quan đến các sản phẩm lương thực như cơm, cháo, xôi, cốm và rượu làm tư liệu đối chiếu văn hóa. Những tư liệu này không thuộc đối tượng thống kê định lượng mà chỉ được sử dụng để hỗ trợ diễn giải bối cảnh và giá trị văn hóa của các hiện tượng định danh.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, bao gồm phương pháp nghiên cứu định lượng và phương pháp nghiên cứu định tính. Phương pháp định lượng được sử dụng để thống kê, phân loại 300 tên gọi món ăn truyền thống Hà Nội theo các cơ sở định danh, tính tần suất và tỷ lệ xuất hiện của từng cơ sở định danh. Trên cơ sở kết quả thống kê, phương pháp phân tích định danh được vận dụng để xác định đặc điểm của từng mô hình định danh; phương pháp phân tích ngôn ngữ học tri nhận được sử dụng nhằm lý giải các phương diện tri nhận văn hóa được phản ánh qua hệ thống tên gọi. Bên cạnh đó, phương pháp phân tích - tổng hợp được sử dụng để khái quát và làm rõ mối quan hệ giữa hoạt động định danh với những đặc trưng văn hóa của cư dân Hà Nội.

5. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

5.1. Đặc điểm định danh và sự lựa chọn đặc trưng trong nhận thức về ẩm thực Hà Nội

Khảo sát 300 tên gọi món ăn truyền thống Hà Nội cho thấy tên gọi được hình thành trên nhiều cơ sở định danh khác nhau (bảng 1), phản ánh sự lựa chọn những đặc trưng có giá trị nhận diện và khu biệt đối tượng.

Bây cơ sở định danh được xác định gồm: nguyên liệu, phương thức chế biến, địa danh, hình thức cảm quan, công dụng/hoàn cảnh sử dụng, yếu tố văn hóa - lịch sử và định danh hỗn hợp.

Bảng 1 cho thấy nguyên liệu là cơ sở phổ biến nhất với 120 đơn vị (40,0%), tiếp đến là phương thức chế biến với 85 đơn vị (28,3%). Hai nhóm này chiếm 68,3%, cho thấy các đặc trưng gắn trực tiếp với món ăn được ưu tiên trong

hoạt động gọi tên. Các cơ sở còn lại có tần suất thấp hơn nhưng cho thấy tên gọi còn mã hóa tri thức về không gian, cảm quan, công dụng và văn hóa - lịch sử.

Bảng 1. Các cơ sở định danh của hệ thống tên gọi các món ăn truyền thống Hà Nội

Cơ sở định danh	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Đặc trưng được lựa chọn để định danh	Ví dụ tiêu biểu
Theo nguyên liệu	120	40,0	Thành phần chính của món ăn	cháo cá chép, chả rươi, chè đỗ đen, bánh khúc
Theo phương thức chế biến	85	28,3	Kỹ thuật chế biến	cá bống kho tiêu, gà rang gừng, vịt quay, thịt kho
Theo địa danh	20	6,7	Nơi xuất xứ hoặc không gian văn hóa	cốm Vòng, trà sen Tây Hồ, bánh tẻ Phú Nhi, giò lụa Ước Lễ
Theo hình thức cảm quan	15	5,0	Hình dáng, màu sắc hoặc cảm nhận trực quan	bánh gối, chè hoa cau, bánh quả bàng
Theo công dụng hoặc hoàn cảnh sử dụng	10	3,3	Chức năng hoặc dịp sử dụng	bánh chưng, bánh xù, xôi gấc
Theo yếu tố văn hóa và lịch sử, nghi lễ	5	1,7	Nhân vật, truyền thống hoặc sự kiện lịch sử	chả cá Lã Vọng, bánh chưng
Định danh hỗn hợp	45	15,0	Kết hợp từ hai cơ sở định danh trở lên	cá chép om dưa, canh mồng tơi nấu cua, giò bò Ước Lễ, bún riêu cua đồng
Tổng cộng	300	100		

Lựa chọn nguyên liệu làm cơ sở định danh

Nguyên liệu là cơ sở định danh phổ biến nhất, thể hiện qua bún riêu, bánh tôm, cháo cá, chè sen, xôi gấc, bánh đậu xanh, bánh cốm... Đặc trưng được chọn không nhất thiết là nguyên liệu chiếm tỷ lệ lớn nhất mà thường là yếu tố tạo khác biệt, như gấc trong xôi gấc hay cua trong bún riêu. Ở các nhóm món từ lúa gạo, nguyên liệu còn kết hợp với những yếu tố khu biệt khác, chẳng hạn cháo cá chép, xôi lạc, chè hạt sen long nhãn, cơm rang dưa bò hay bánh tẻ Phú Nhi. Điều này cho thấy nguyên liệu vừa là cơ sở nhận diện trực tiếp vừa có thể tham gia vào những cấu trúc định danh kết hợp.

Các nguyên liệu như gạo, nếp, cua, tôm, cá, đậu xanh, sen hay gấc đồng thời phản ánh môi trường sinh thái và

kinh nghiệm ẩm thực của cư dân đồng bằng Bắc Bộ. Vì vậy, định danh theo nguyên liệu vừa có giá trị nhận diện vừa lưu giữ tri thức về sản vật và môi trường sống.

Lựa chọn phương thức chế biến làm cơ sở định danh

Phương thức chế biến là cơ sở định danh quan trọng thứ hai, thể hiện qua bánh cuốn, bánh rán, bánh nướng, bánh hấp, chè kho hay bún chan. Các thao tác cuốn, rán, hấp, nướng, kho, chan trở thành đặc trưng khu biệt, cho thấy kinh nghiệm và kỹ thuật chế biến được mã hóa trực tiếp trong tên gọi.

Kiểu định danh này phản ánh sự coi trọng quá trình chế biến và kinh nghiệm thực hành trong văn hóa ẩm thực; tên gọi vì thế đồng thời lưu giữ tri thức về kỹ thuật truyền thống.

Lựa chọn không gian văn hóa làm cơ sở định danh

Địa danh xuất hiện trong các tên gọi như cốm làng Vòng, bánh cuốn Thanh Trì, bánh tôm Hồ Tây hay chè lam Thạch Xá. Ở đây, địa danh vừa xác định nguồn gốc vừa gắn món ăn với một không gian văn hóa cụ thể.

Những yếu tố như làng Vòng, Thanh Trì hay Hồ Tây gợi làng nghề, lịch sử và bản sắc địa phương; vì vậy, địa danh trở thành phương tiện lưu giữ ký ức văn hóa trong tên gọi món ăn.

Bên cạnh ba cơ sở nổi trội trên, các tên gọi dựa vào đặc điểm cảm quan, công dụng hoặc hoàn cảnh sử dụng và yếu tố văn hóa - lịch sử tuy có số lượng thấp hơn nhưng bổ sung những phương diện khác của quá trình lựa chọn đặc trưng. Những đặc điểm về màu sắc, hình dáng, mùi vị hay trạng thái của món ăn chỉ trở thành yếu tố định danh khi có khả năng khu biệt; tương tự, công dụng hoặc hoàn cảnh sử dụng được lựa chọn khi món ăn gắn với một tình huống tiêu dùng tương đối ổn định. Điều này cho thấy cơ sở định danh không chỉ phụ thuộc vào thuộc tính vật chất của món ăn mà còn có thể được hình thành từ cách cộng đồng sử dụng và nhận biết món ăn trong đời sống.

Nhóm định danh hỗn hợp gồm 45 đơn vị (15,0%) đặc biệt đáng chú ý vì một tên gọi có thể đồng thời huy động nhiều đặc trưng, chẳng hạn kết hợp nguyên liệu với phương thức chế biến, nguyên liệu với địa danh hoặc loại món với đặc điểm khu biệt. Sự kết hợp này phản ánh nhu cầu tăng độ chính xác của tên gọi khi một đặc trưng đơn lẻ chưa đủ phân biệt đối tượng. Vì vậy, bảy cơ sở trong Bảng 1 không nên được hiểu như những khuôn mẫu hoàn toàn tách biệt, mà là các phương diện nổi trội có thể phối hợp với nhau trong quá trình tạo lập tên gọi.

Nhìn tổng thể, kết quả ở 5.1 cho thấy hoạt động định danh món ăn Hà Nội có xu hướng ưu tiên những đặc trưng gắn với kinh nghiệm trực tiếp: món ăn được làm từ gì, được chế biến như thế nào và gắn với không gian nào. Các cơ sở cảm quan, công dụng, văn hóa - lịch sử và những trường hợp kết hợp nhiều cơ sở mở rộng phạm vi nhận diện từ thuộc tính vật chất sang kinh nghiệm sử dụng và tri thức cộng đồng. Sự phân bố không đồng đều giữa các nhóm vì thế không chỉ cho biết cấu trúc của hệ thống tên gọi mà còn gợi ra thứ bậc nổi trội của những đặc trưng được cộng đồng lựa chọn để nhận biết và khu biệt món ăn.

5.2. Từ đặc trưng định danh đến các phương diện tri nhận văn hóa trong ẩm thực Hà Nội

Từ kết quả Mục 5.1, có thể nhận diện ba phương diện kinh nghiệm văn hóa nổi bật được phản ánh trong hệ thống tên gọi: lúa gạo, không gian địa phương và các giá trị văn hóa - lịch sử.

Ở đây, tri nhận văn hóa được xem xét từ chính sự nổi trội và sự lặp lại của các đặc trưng trong hệ thống tên gọi, chứ không suy diễn từ từng tên gọi riêng lẻ. Nói cách khác, ý nghĩa văn hóa chỉ được nhận diện khi một kiểu lựa chọn đặc trưng có sự hỗ trợ của số liệu định danh và có thể liên hệ với những kinh nghiệm tương đối ổn định của cộng đồng. Cách tiếp cận này giúp duy trì ranh giới giữa kết quả ngôn ngữ học của 5.1 và phần diễn giải văn hóa ở 5.2.

Lúa gạo như một miền kinh nghiệm nổi trội trong định danh ẩm thực

Định danh theo nguyên liệu chiếm 40,0%; trong đó có 58 tên gọi liên quan trực tiếp đến sản phẩm từ lúa gạo, gồm bánh, cháo, xôi, chè và cơm. Tần suất này cho thấy lúa gạo là một miền kinh nghiệm nổi trội trong hoạt động định danh ẩm thực.

Sự nổi trội của lúa gạo có thể lý giải từ môi trường sinh thái và phương thức sinh kế của cư dân đồng bằng Bắc Bộ: lúa gạo vừa là lương thực cơ bản vừa gắn với đời sống và lao động thường nhật. Các biểu thức như cơm áo gạo tiền hay bát cơm manh áo chỉ được dùng làm tư liệu đối chiếu văn hóa, không thuộc ngữ liệu thống kê của nghiên cứu.

Sự nổi trội này còn có thể được đối chiếu với kho tàng thành ngữ, tục ngữ và ca dao Việt Nam. Những biểu thức như cơm áo gạo tiền, bát cơm manh áo, rau cháo qua ngày, cháo loãng cầm hơi, ăn cháo đá bát hay câu ca dao “Ai ơi bung bát cơm đầy / Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần” cho thấy cơm, gạo, cháo đã đi vào ngôn ngữ dân gian để biểu đạt những kinh nghiệm về sinh kế, sự

tồn tại, công sức lao động, lòng biết ơn và đạo lý ứng xử. Có thể kể thêm cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt và câu “Chồng giận thì vợ bớt lời / Cơm sôi bớt lửa chẳng đời nào khê”, trong đó kinh nghiệm từ bữa ăn và việc nấu cơm được dùng để nói về quan hệ và cách ứng xử trong gia đình. Các biểu thức này không thuộc ngữ liệu thống kê 300 tên gọi món ăn của nghiên cứu, mà được sử dụng như tư liệu văn hóa bổ trợ nhằm làm rõ vị trí của lúa gạo trong kinh nghiệm sống của cộng đồng.

Kết quả khảo sát cho thấy lúa gạo nổi lên như một miền kinh nghiệm văn hóa quan trọng trong định danh món ăn Hà Nội, phản ánh dấu ấn của môi trường sinh thái, phương thức sinh kế và kinh nghiệm văn hóa của cư dân đồng bằng Bắc Bộ.

Địa danh trong tri nhận văn hóa

Định danh theo địa danh có 20 đơn vị (6,7%), tiêu biểu như cốm Vòng, trà sen Tây Hồ, giò lụa Ước Lễ và bánh tẻ Phú Nhi. Địa danh vừa xác định nguồn gốc vừa gắn món ăn với làng nghề và không gian văn hóa.

Qua quá trình sử dụng, một số địa danh trở thành thành tố văn hóa của tên gọi: cốm Vòng hay trà sen Tây Hồ không chỉ chỉ món ăn mà còn gợi lịch sử địa phương, nghề truyền thống và ký ức cộng đồng.

Địa danh trong tên gọi món ăn góp phần mã hóa tri thức về không gian, lịch sử và làng nghề, qua đó duy trì bản sắc của các không gian ẩm thực truyền thống.

Từ góc độ này, địa danh có thể được xem như một dấu hiệu cô đọng của tri thức văn hóa: một thành tố ngắn trong tên gọi đồng thời gợi nguồn gốc, nghề truyền thống và uy tín của sản phẩm. Khi tên món tiếp tục được sử dụng ngoài phạm vi địa phương, thành tố địa danh vẫn duy trì mối liên hệ với nơi xuất xứ, qua đó góp phần bảo lưu ký ức về không gian ẩm thực Hà Nội.

Biểu tượng văn hóa trong hệ thống từ ngữ định danh

Nhóm định danh theo yếu tố văn hóa, lịch sử và nghi lễ có 5 đơn vị (1,7%). Tuy ít, các tên gọi này cho thấy một số món ăn được nhận diện bằng tri thức văn hóa chứ không chỉ bằng đặc điểm vật chất.

Bánh chưng Tranh Khúc, bánh xu xê và gà lễ gắn với phong tục, lễ tết và nghi lễ; chả cá Lã Vọng gắn với lịch sử một thương hiệu và không gian phố cổ; thịt kho Đông Pha phản ánh dấu ấn giao lưu văn hóa. Trong quá trình sử dụng, các tên gọi này tích lũy thêm ý nghĩa lịch sử, nghi lễ và ký ức cộng đồng.

Những trường hợp trên cho thấy tên gọi món ăn có thể vượt khỏi chức năng nhận diện để trở thành phương tiện lưu giữ và truyền tải giá trị văn hóa.

So với nguyên liệu hay phương thức chế biến, nhóm này có tần suất nhỏ nhưng giá trị phân tích không vì thế mà giảm. Chính sự hiện diện của các yếu tố nghi lễ, lịch sử và giao lưu trong tên gọi cho thấy hệ thống định danh có nhiều tầng: có tên gọi chủ yếu phục vụ nhận diện món ăn, trong khi một số tên gọi còn tích lũy tri thức về phong tục, nhân vật, địa điểm hoặc lịch sử tiếp xúc văn hóa. Đây là điểm cho phép nối kết kết quả định danh với bình diện ký ức và bản sắc văn hóa mà không cần suy rộng thành những phạm trù tri nhận vượt quá dữ liệu.

6. KẾT LUẬN

Bài viết đã khảo sát hệ thống 300 tên gọi món ăn truyền thống Hà Nội dưới góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận nhằm làm rõ mối quan hệ giữa hoạt động định danh và tri nhận văn hóa. Kết quả nghiên cứu cho thấy tên gọi món ăn không chỉ thực hiện chức năng gọi tên và nhận diện đối tượng mà còn phản ánh quá trình cộng đồng lựa chọn, tổ chức và lưu giữ những kinh nghiệm văn hóa trong ngôn ngữ. Qua đó, hệ thống tên gọi món ăn được xem là sự kết tinh của những tri thức về môi trường tự nhiên, phương thức sinh kế, đời sống xã hội và truyền thống văn hóa của cộng đồng.

Nghiên cứu xác định bảy cơ sở định danh trong hệ thống tên gọi món ăn truyền thống Hà Nội, phản ánh nhiều cơ sở lựa chọn đặc trưng khác nhau trong hoạt động gọi tên. Bên cạnh những đặc điểm trực quan như nguyên liệu, phương thức chế biến hay hình thức cảm quan, hệ thống tên gọi còn ghi dấu những yếu tố thuộc về không gian văn hóa, lịch sử, phong tục và nghi lễ. Điều này cho thấy hoạt động định danh không chỉ dựa trên đặc điểm của đối tượng mà còn chịu sự chi phối của những kinh nghiệm và tri thức văn hóa được cộng đồng tích lũy trong quá trình lịch sử.

Từ góc nhìn ngôn ngữ học tri nhận, nghiên cứu cho thấy các cơ sở định danh phản ánh những phương diện tri nhận văn hóa khác nhau. Những tên gọi gắn với lương thực thể hiện tri nhận về nền văn minh lúa nước và phương thức sinh kế của người Việt; những tên gọi gắn với địa danh lưu giữ ký ức về không gian văn hóa và các làng nghề truyền thống; trong khi một số tên gọi mang yếu tố văn hóa, lịch sử và nghi lễ có thể vượt ra ngoài chức năng định danh và mang giá trị biểu tượng văn hóa của cộng đồng. Những kết quả này góp phần khẳng định rằng hệ thống tên gọi món ăn không chỉ phản ánh cách con người nhận thức thế giới ẩm thực mà còn là phương thức lưu giữ và truyền tải những giá trị văn hóa thông qua ngôn ngữ.

Về phương diện học thuật, nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở thực nghiệm cho việc vận dụng ngôn ngữ học

tri nhận vào nghiên cứu từ ngữ định danh trong tiếng Việt, đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa hoạt động định danh và tri nhận văn hóa thông qua ngữ liệu tên gọi món ăn truyền thống Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cũng gợi mở khả năng tiếp tục khảo sát hệ thống tên gọi món ăn ở các vùng văn hóa khác của Việt Nam cũng như thực hiện các nghiên cứu đối chiếu với những nền ẩm thực khác nhằm làm sáng tỏ hơn cơ chế định danh và sự phản ánh các giá trị văn hóa trong ngôn ngữ.

Ghi chú: Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ 2025-2026: “Biên soạn Từ điển bách khoa về ẩm thực ở Hà Nội”. Mã số nhiệm vụ: KHXH/NV/2025-27, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Serebrennikov B. A., “Nomination and the Problem of Selection,” in *Language Nomination: General Issues*, Serebrennikov B. A., Ufimtseva A. A (Eds.), Nauka, Moscow, 1977.
- [2]. Kolshansky G. V., “Linguistic and Epistemological Foundations of Language Nomination,” in *Language Nomination: General Issues*, Serebrennikov B. A., Ufimtseva A. A (Eds.), Nauka, Moscow, 1977.
- [3]. Nguyễn Đức Tôn, “Nghiên cứu đặc trưng văn hoá dân tộc qua ngôn ngữ và tư duy ngôn ngữ,” *Việt Nam - Những vấn đề ngôn ngữ và văn hoá*, 17-21, Hà Nội, 1993.
- [4]. Nguyễn Đức Tôn, “Tên gọi bộ phận cơ thể trong tiếng Việt với việc biểu trưng tâm lí tình cảm,” *Tạp chí Văn hoá dân gian*, (3), 60-65, 1994.
- [5]. Nguyễn Đức Tôn, “Từ đặc trưng dân tộc của định danh nhìn nhận lại nguyên lí vô đoán của kí hiệu ngôn ngữ,” *Tạp chí Ngôn ngữ*, (4), 1-9, 1997.
- [6]. Nguyễn Thúy Khanh, “Đặc điểm định danh tên gọi động vật trong tiếng Việt,” *Tạp chí Văn hoá dân gian*, (1), 12-17, 1994.
- [7]. Nguyễn Thúy Khanh, “Đặc điểm định danh của trường tên gọi động vật tiếng Nga trong sự đối chiếu với tiếng Việt,” *Tạp chí Văn hoá dân gian*, (2), 76-81, 1994.
- [8]. Nguyễn Thúy Khanh, *Đặc điểm trường từ vựng - ngữ nghĩa tên gọi động vật (trên tư liệu đối chiếu tiếng Việt với tiếng Nga)*. Luận án Phó tiến sĩ, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội, 1996.
- [9]. Chử Phôm Mương, *Đặc điểm định danh và hiện tượng chuyển nghĩa trong trường từ vựng tên gọi các bộ phận cơ thể con người tiếng Lào (có xem xét trong mối quan hệ với tiếng Việt)*. Luận án tiến sĩ, Hà Nội, 1999.
- [10]. Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1981.
- [11]. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 2002.
- [12]. Hồ Lê, *Cấu tạo từ hiện đại*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003.

[13]. Nguyễn Đức Tôn, *Đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*. NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2010.

[14]. Lakoff G., Johnson M., *Philosophy in the Flesh: The Embodied Mind and Its Challenge to Western Thought*. Basic Books, New York, 1999.

[15]. Pham T. T., *A Comparative Study of Chinese and Vietnamese Food Cultures from the Perspective of Intercultural Communication*. Master's Thesis, Chongqing Normal University, 2017.

[16]. Peng X. Y., "A comparison of Chinese and Vietnamese food cultures based on cultural differences," *China Food Safety Magazine*, (22), 185-186, 2021. doi: 10.16043/j.cnki.cfs.2021.22.119.

[17]. Li Y., *A Comparative Study of Metaphors in Chinese and Korean Food Vocabulary*. Master's Thesis, East China Normal University, 2017.

[18]. Wang Y., "A Comparative Semantic Study of English and Chinese Culinary Vocabulary: With Reference to Cultural Differences in English and Chinese Food Cultures," *Journal of PLA University of Foreign Languages*, (2), 31-34, 2001.

[19]. Ngô Minh Nguyệt, "Đôi nét về đặc điểm trường từ vựng ẩm thực trong tiếng Hán và tiếng Việt," *Nghiên cứu Nước ngoài*, 37(2), 87-93, 2021.

[20]. Ngô Minh Nguyệt, "Đặc điểm tên gọi gia vị món ăn trong tiếng Hán và tiếng Việt," *Nghiên cứu Nước ngoài*, 41(5), 27-46, 2025.

[21]. Thạch Lam, *Hà Nội ba mươi sáu phố phường*. NXB Văn học, Hà Nội, 2007.

[22]. Vũ Bằng, *Miếng ngon Hà Nội*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000.

[23]. Vũ Bằng, *Thương nhớ mười hai*. NXB Văn học, Hà Nội, 2008.

[24]. Bằng Sơn, *360 phố phường Hà Nội*. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007.

[25]. Vũ Thế Long, *Người Hà Nội - Chuyện ăn, chuyện uống một thời*. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2021.

[26]. Vũ Thị Tuyết Nhung, *Hà thành hương vị xưa cũ*. NXB Hà Nội, Hà Nội, 2021.

AUTHORS INFORMATION

Nguyen Thu Tra¹, Nguyen Thi Thu Hao²

¹School of Languages and Tourism, Hanoi University of Industry, Vietnam

²Institute of Linguistics, Vietnam